

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 696/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 597/BC-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên

địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Nội dung chi

1. Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử

a) Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử;

b) Chi in ấn: thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức bầu cử.

4. Chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp xã.

5. Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn.

6. Chi tổ chức các hội nghị: hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri; vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết, khen thưởng; các phiên họp, cuộc họp của Ủy ban bầu cử.

7. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử

a) Chi phương tiện đi lại, công tác phí;

- b) Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu;
- c) Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.
- 8. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.
- 9. Chi khám sức khỏe cho ứng cử viên.
- 10. Chi xây dựng triển khai phần mềm cập nhật, thống kê kết quả bầu cử các cấp.
- 11. Chi bồi dưỡng rà soát và lập danh sách cử tri, viết và phát thẻ cử tri.
- 12. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử
 - a) Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;
 - b) Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;
 - c) Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu;
 - d) Chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử;
 - đ) Chi làm hòm phiếu bỏ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử;
 - e) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử;
 - g) Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện chi tiêu theo các nội dung trên đây cho phù hợp và đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục, hiệu quả, tiết kiệm, không để xảy ra thất thoát, lãng phí; thanh, quyết toán kinh phí theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Mức chi

1. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn

a) Chi hội nghị: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Riêng chi tổ chức các hội nghị triển khai, hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết, khen thưởng do Ủy ban bầu cử các cấp triệu tập, ngoài nội dung chi theo quy định được chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu tham dự hội nghị đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước với mức chi cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Chi tổ chức tập huấn cho người tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo mức chi được quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 300.000 đồng/người/buổi;

- Thành viên tham dự: cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi;

- Các đối tượng phục vụ: cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

b) Các phiên họp, cuộc họp của các Ban, Văn phòng Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: cấp tỉnh: 250.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 200.000 đồng/người/buổi;

- Thành viên tham dự: cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi;

- Các đối tượng phục vụ: cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 60.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác bầu cử

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Cấp tỉnh

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	250.000
2	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	150.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	120.000
4	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	80.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	(lái xe, bảo vệ lãnh đạo)		
5	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn kiểm tra, giám sát (văn bản hoàn chỉnh):		
a	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh	đồng/báo cáo	1.000.000
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia (tối đa không quá 400.000 đồng/người/văn bản)	đồng/người/lần	200.000
c	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	500.000

b) Cấp xã

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	200.000
2	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	120.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	đồng/người/buổi	100.000
4	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	60.000
5	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn kiểm tra, giám sát (văn bản hoàn chỉnh):		
a	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban bầu cử cấp xã	đồng/báo cáo	500.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia (tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản)	đồng/người/lần	100.000
c	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	250.000

4. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định cụ thể về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật;

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi quy định tại điểm a khoản này, liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, các Ban bầu cử tỉnh và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong phạm vi cả tỉnh).

- Xây dựng văn bản: 1.000.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý);

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử theo khoán tháng đối với các đối tượng sau:

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Cấp tỉnh		
a	Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu Ban; Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Quốc hội; Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
b	Phó Trưởng các Tiểu Ban; Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Quốc hội; Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử; Kế toán trưởng của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000
c	Thành viên các Tiểu ban; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Quốc hội; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Thành viên Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000
2	Cấp xã		
a	Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu Ban; Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.200.000
b	Phó Trưởng các Tiểu Ban; Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000
c	Thành viên các Tiểu ban; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Thành viên Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng được trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (cụ thể đối tượng được huy động, trưng tập theo danh sách phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử (thời gian hưởng chế độ không quá 15 ngày): 200.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức tối đa: 3.000.000

đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử, trừ đối tượng đã hưởng mức chi bồi dưỡng nêu tại điểm a khoản 5, điểm d khoản 13 Điều này. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Cấp tỉnh:

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó Trưởng các Tiểu Ban; Trưởng, Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Quốc hội; Trưởng, Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử; Kế toán trưởng của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	500.000
2	Thành viên các Tiểu ban; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Quốc hội; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Thành viên Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	300.000

b) Cấp xã:

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó Trưởng các Tiểu Ban; Trưởng, Phó Trưởng các Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	400.000
2	Thành viên các Tiểu ban; Thành viên các Ban Bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân; Thành viên Văn phòng Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	250.000

c) Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán chi hỗ trợ cước điện thoại di động cao nhất.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu.

9. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

10. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

11. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử

Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

12. Chi công tác tuyên truyền, in ấn, ấn phẩm phục vụ bầu cử: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu và quy định khác có liên quan.

13. Chi khác

Trường hợp chi phí phát sinh ngoài quy định tại Nghị quyết thì thanh toán theo quy định hiện hành.

a) Chi hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán:

- Hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người ứng cử: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán: 2.000.000 đồng/điểm.

- b) Chi văn phòng phẩm và trang trí phòng bỏ phiếu: 3.000.000 đồng/tổ;
- c) Chi phí vận chuyển phiếu, văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc, chi khác ngoài các quy định trên: 30.000.000 đồng/xã, phường;
- d) Chi bồi dưỡng cho Tổ bầu cử:
 Tổ trưởng: 2.000.000 đồng/người/đợt bầu cử;
 Thư ký: 1.500.000 đồng/người/đợt bầu cử;
 Thành viên: 1.000.000 đồng/người/đợt bầu cử.
 đ) Mức hỗ trợ bồi dưỡng người trực an ninh, trật tự tại địa điểm bỏ phiếu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
 Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- e) Chi bồi dưỡng rà soát, lập danh sách, viết và phát thẻ cử tri:
 Khoán rà soát, lập danh sách, viết và phát thẻ cử tri: 1.000 đồng/thẻ đối với thẻ in; 1.500 đồng/thẻ đối với thẻ viết tay.
- g) Chi tiếp các Đoàn kiểm tra của Trung ương về công tác bầu cử: thực hiện theo Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND;
- h) Chi khen thưởng: thực hiện theo quy định khen thưởng hiện hành;
- i) Chi thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp xã: thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách được giao;
- k) Chi làm thêm giờ: thực hiện theo quy định Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và các hướng dẫn có liên quan;
- l) Chi khám sức khỏe cho ứng cử viên: thực hiện theo quy định hiện hành;
- m) Chi xây dựng triển khai phần mềm cập nhật, thống kê kết quả bầu cử các cấp: thực hiện theo quy định hiện hành.

14. Các khoản chi phục vụ trực tiếp công tác bầu cử chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Ủy ban bầu cử

tính thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành bằng văn bản triển khai thực hiện.

Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng các chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời điểm Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, các Ban, các Tiểu ban và các quyết định của cấp có thẩm quyền có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp thời gian hưởng có ngày lẻ, dưới 15 ngày tính là nửa (0,5) tháng, từ 15 ngày trở lên thì tính 01 tháng.

2. Đối với khối lượng công việc triển khai thực hiện trước khi quy định tại Nghị quyết này có hiệu lực, thực hiện quyết toán theo chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Nghị quyết số 403/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Châu Thị Mỹ Phương